TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-3-2018
V/v tranh chấp "Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Anh Thư.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Tấn Tài.**

2. Bà **Nguyễn Thị Ly.**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Tấn Kiệt**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Bà **Lê Mai Huyền –** Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 570/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm 1998 (Có mặt).

Cư trú: Ấp An Mỹ, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Võ Văn L**, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp An Lương, xã Hòa Bình, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên chị Nguyễn Thị Kim P trình bày: Chị và anh L cưới nhau vào tháng 02/2016, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, hôn nhân do tự tìm hiểu và được cha mẹ đồng ý. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7âl/2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chồng thường

hay uống rượu, không lo làm ăn, chị có khuyên ngăn nhiều lần nhưng chồng không thay đổi tính tình nên vợ chồng thường hay cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn sống chung từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với Võ Văn L. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Trọng Nhân, sinh ngày 30/12/2016 (hiện đang sống cùng chị P). Khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Võ Văn L được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim P, anh Võ Văn L đăng ký kết hôn năm 2017 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị P trình bày: Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cha mẹ chồng khó khăn nên chị P không thể sống chung được. Anh L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến phản hồi cho thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, nếu buộc trở lại sống chung cũng không hạnh phúc, nghĩ nên cho ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Võ Trọng N – Sinh ngày 30/12/2016, hiện đang sống với chị P. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu N hiện dưới 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Chị P đang nuôi con chung, để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu N, nghĩ nên để chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng: [1] Chị Nguyễn Thị Kim P xin ly hôn với anh Võ Văn L, anh L có nơi cư trú tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

Anh Võ Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L là có căn cứ.

- Về pháp luật nội dung: [2] Chị Nguyễn Thị Kim P xin ly hôn với anh Võ Văn L. Chị P và anh L có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về việc chị P xin ly hôn và triệu tập anh L tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh L vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị P. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị P và anh L đã diễn ra trong thời gian dài nguyên nhân chủ yếu là anh L thường hay uống rượu, không chí thú làm ăn, tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim P là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị P xác định vợ chồng có 01 con chung tên Võ Trọng N, sinh ngày 30/12/2016 (hiện đang sống cùng chị P). Khi ly hôn chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau con chung do chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và hiện nay cháu N còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Do đó, để chị P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N là phù hợp pháp luật.

Do chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Không có.

[5] Về quan hệ nợ chung: Không có.

[6] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim P đối với anh Võ Văn L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim P được ly hôn với anh Võ Văn L.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Kim P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Trọng N, sinh ngày 30/12/2016 (hiện đang sống cùng chị P). Anh Võ Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Kim P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Võ Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim P xác định không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị Nguyễn Thị Kim P và anh Võ Văn L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0018855 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 08/11/2017. Chị P đã nộp đủ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã B;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư